

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày: 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,795,865,953,809	1,824,162,681,565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23,405,694,166	12,707,313,325
1. Tiền	111	V.01	23,405,694,166	12,707,313,325
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		376,729,917,059	464,251,734,079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	264,429,653,429	342,836,738,475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	85,099,460,143	96,196,247,063
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	8,562,002,444	1,485,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	49,660,145,353	54,755,398,851
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(31,021,650,310)	(31,021,650,310)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		306,000	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	1,347,678,874,620	1,302,402,580,305
1. Hàng tồn kho	141		1,349,339,415,229	1,304,063,120,914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,660,540,609)	(1,660,540,609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48,051,467,964	44,801,053,856
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	5,419,024,414	6,711,131,750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42,632,443,550	38,089,922,106
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,447,035,631,911	1,449,909,213,293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19,519,893,095	19,459,893,095
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	19,519,893,095	19,459,893,095
II. Tài sản cố định	220		484,875,131,690	479,143,228,983
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	167,551,658,026	173,205,269,687
- Nguyên giá	222		814,898,612,878	810,569,153,701
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(647,346,954,852)	(637,363,884,014)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	103,883,757,902	92,240,765,654
- Nguyên giá	225		162,279,298,793	144,390,612,879
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(58,395,540,891)	(52,149,847,225)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	213,439,715,762	213,697,193,642
- Nguyên giá	228		215,658,800,425	215,658,800,425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,219,084,663)	(1,961,606,783)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		110,741,608,574	110,453,867,900
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	110,741,608,574	110,453,867,900
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	749,058,761,952	754,879,761,952
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		557,023,581,882	557,023,581,882
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		209,504,000,000	215,325,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(17,468,819,930)	(17,468,819,930)

VI. Tài sản dài hạn khác	260		82,840,236,600	85,972,461,363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	82,210,236,600	85,342,461,363
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	630,000,000	630,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,242,901,585,720	3,274,071,894,858
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,941,863,777,389	1,978,326,806,301
I. Nợ ngắn hạn	310		1,595,125,906,718	1,639,441,191,904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	156,758,576,711	208,387,621,641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	26,693,942,751	8,723,355,855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3,340,011,815	5,597,216,399
4. Phải trả người lao động	314	V.18	22,641,715,562	43,145,134,345
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	11,169,588,935	7,866,075,403
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	65,743,166,137	61,436,367,304
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,307,762,325,502	1,303,072,169,260
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	1,016,579,305	1,213,251,697
II. Nợ dài hạn	330		346,737,870,671	338,885,614,397
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	346,737,870,671	338,885,614,397
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,301,037,808,331	1,295,745,088,557
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,301,037,808,331	1,295,745,088,557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		29,000,000,000	29,000,000,000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,013,396,626	21,719,354,339
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21,519,354,339	21,719,354,339
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,494,042,287	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	476,582,453	477,904,966
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,242,901,585,720	3,274,071,894,858

Người lập biểu



Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng



Lê Tiến Dũng

An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý I năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính : Đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
			4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	3					
	01	V1.01	584,428,190,582	547,076,273,021	584,428,190,582	547,076,273,021	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.02	8,096,667,512	2,301,376,226	8,096,667,512	2,301,376,226	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		576,331,523,070	544,774,896,795	576,331,523,070	544,774,896,795	
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.03	507,371,913,945	478,015,464,886	507,371,913,945	478,015,464,886	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		68,959,609,125	66,759,431,909	68,959,609,125	66,759,431,909	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.04	7,806,784,929	8,361,636,938	7,806,784,929	8,361,636,938	
7. Chi phí tài chính	22	V1.05	21,582,259,810	20,019,205,092	21,582,259,810	20,019,205,092	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19,441,539,785	15,421,138,061	19,441,539,785	15,421,138,061	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	V1.06	25,607,116,251	25,913,033,018	25,607,116,251	25,913,033,018	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.07	13,477,402,860	14,277,517,187	13,477,402,860	14,277,517,187	
11. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		16,099,615,133	14,911,313,550	16,099,615,133	14,911,313,550	
12. Thu nhập khác	31	V1.08	1,115,980,608	998,567,242	1,115,980,608	998,567,242	
13. Chi phí khác	32	V1.09	9,905,621,063	490,346,583	9,905,621,063	490,346,583	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(8,789,640,455)	508,220,659	(8,789,640,455)	508,220,659	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7,309,974,678	15,419,534,209	7,309,974,678	15,419,534,209	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,817,254,904	1,100,345,834	1,817,254,904	1,100,345,834	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5,492,719,774	14,319,188,375	5,492,719,774	14,319,188,375	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		5,494,042,287	14,294,770,886	5,494,042,287	14,294,770,886	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1,322,513)	24,417,489	(1,322,513)	24,417,489	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V1.10	81	218	81	218	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		81	218	81	218	

Người lập biểu

Mai Ngọc Tùng

Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng

Minh

Lê Tiến Dũng

An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP NAM VIỆT

NGUYỄN DUY NHƯ

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

Mẫu số B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		756,884,727,795	691,700,799,475
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(320,992,371,680)	(406,420,804,057)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(85,970,498,263)	(89,374,846,773)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(15,438,648,771)	(14,759,772,098)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		270,801,774,129	503,922,400,619
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(277,788,387,205)	(386,709,963,596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		327,496,596,005	298,357,813,570
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,140,000,000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(42,538,000,000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,820,120,000	5,697,120,000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,468,647,595	2,302,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8,148,767,595	(34,538,880,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		839,443,996,900	788,567,078,178
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,158,831,435,928)	(1,048,277,667,455)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(6,614,076,319)	(6,555,143,822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(326,001,515,347)	(266,265,733,099)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		9,643,848,253	(2,446,799,529)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,707,313,325	8,912,863,533
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,054,532,588	(590,351,993)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		23,405,694,166	5,875,712,011

Người lập biểu

Mai Nọc Tùng

Kế toán trưởng

Lê Tiến Dũng

An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	90.91%	90.91%	90.91%	90.91%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. *Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất	40.5%	40.5%	40.5%	40.5%
Công ty cổ phần rau quả nông trại Xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả.	44.4%	44.4%	44.4%	44.4%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty cổ phần Nam Việt.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm/kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.252.357.971	827.111.840
Tiền gửi ngân hàng	22.153.336.195	11.880.201.485
Cộng	23.405.694.166	12.707.313.325

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	563.310.939	74.411.129.774
Triple T Corporation (USA)		74.351.346.708
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh		59.783.066
Ông Doãn Chí Thanh	563.310.939	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	263.866.342.490	268.425.608.701
Các khách hàng nước ngoài	258.874.228.893	265.966.530.297
Các khách hàng trong nước	4.992.113.597	2.459.078.404
Cộng	264.429.653.429	342.836.738.475

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Các nhà cung cấp nước ngoài	95.170.887	95.170.887
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	64.116.159.374	72.320.029.471

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước khác	20.888.129.882	23.781.046.705
Cộng	85.099.460.143	96.196.247.063

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	7.050.000.000	-
Cho Công ty CP Rau Quả Nông Trại Xanh vay với lãi suất 7%/năm	7.050.000.000	-
Phải thu các cá nhân khác	1.512.002.444	1.485.000.000
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay với lãi suất 12%/năm (*)	950.000.000	950.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay với lãi suất 0%/năm (*)	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	62.002.444	35.000.000
Cộng	8.562.002.444	1.485.000.000

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và Công ty đang trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 695.000.000 VND.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	362.498.086	-	9.409.635.636	-
Hộ Kinh Doanh cá Sầu Long Xuyên	648.991	-	5.386.832	-
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu tiền bán vật tư	92.885.562	-	5.386.832	-
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu chi hộ	-	-	5.776.751	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Cho mượn vật tư	-	-	-	-
Ông Doãn Chí Thanh - Tạm ứng	156.562.410	-	-	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	20.000.000	-	-	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Thuế TNCN	7.401.123	-	-	-
Ông Doãn Quốc Hội	85.000.000	-	40.000.000	-
Thành viên Hội đồng quản trị - Phải thu lại tiền đất chậm nộp	-	-	9.358.472.053	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	49.297.647.267 (269.400.682)	-	45.345.763.215 (269.400.682)	-
Tạm ứng	4.854.807.828	-	5.189.156.927	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.863.056.000	-	3.981.180.521	-
Tiền lãi cho vay	476.479.546 (269.400.682)	-	476.479.546 (269.400.682)	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	35.456.250.000	-	32.113.080.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về	1.111.570.663	-	1.111.570.663	-
Thuế nhập khẩu chờ hoàn		-	220.769.354	-
Ông Đỗ Thanh Xuân – Tiền điện thoại & Thuế TNCN, tạm ứng	1.404.174	-	1.454.798	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.534.079.056	-	2.252.071.406	-
Cộng	49.660.145.353	(269.400.682)	54.755.398.851	(269.400.682)

(*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 31.700.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang (số đầu năm là 31.700.000.000 VND).

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng		48.705.468.298	18.648.218.670		48.705.468.298	18.648.218.670
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		10.790.636.786	7.553.445.750	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	10.790.636.786	7.553.445.750
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm		4.757.975.000	2.378.987.500	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	4.757.975.000	2.378.987.500
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		29.052.618.068	8.715.785.420	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	29.052.618.068	8.715.785.420
Quá hạn trên 03 năm		4.104.238.444	-	Quá hạn trên 03 năm	4.104.238.444	-
Phải thu cho vay		1.450.000.000	755.000.000		1.450.000.000	755.000.000
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		950.000.000	665.000.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	950.000.000	665.000.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm		-	-	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		300.000.000	90.000.000	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	300.000.000	90.000.000
Quá hạn trên 03 năm		200.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	200.000.000	-
Phải thu khác		476.479.546	207.078.864		476.479.546	207.078.864
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm		57.316.667	40.121.667	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	57.316.667	40.121.667

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	281.833.333	125.758.333	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	281.833.333	125.758.333
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	137.329.546	41.198.864	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	137.329.546	41.198.864
Quá hạn trên 03 năm	-	-	Quá hạn trên 03 năm	-	-
Cộng	50.631.947.844	19.610.297.534		50.631.947.844	19.610.297.534

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	31.021.650.310
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Xóa nợ	-
Số cuối kỳ	31.021.650.310

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	27.485.205.000	-	71.457.555.498	-
Nguyên liệu, vật liệu	136.990.038.080	-	80.598.777.373	-
Công cụ, dụng cụ	3.644.695.106	-	4.597.972.985	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	485.561.923.725	-	496.889.549.968	-
Thành phẩm	669.471.732.594	(1.660.540.609)	620.279.794.854	(1.660.540.609)
Hàng hóa	-	-	-	-
Hàng gửi đi bán	26.185.820.724	-	30.239.470.236	-
Cộng	1.349.339.415.229	(1.660.540.609)	1.304.063.120.914	(1.660.540.609)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.660.540.609
Trích lập dự phòng	-
Số cuối kỳ	1.660.540.609

Hàng tồn kho có trị giá 379.239.039.313 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.410.176.832	4.120.434.082
Công cụ dụng cụ	1.823.017.512	1.379.851.505

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.185.830.070	1.210.846.163
Cộng	5.419.024.414	6.711.131.750
8b. Chi phí trả trước dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	66.217.797.755	66.777.015.739
Công cụ dụng cụ	7.941.284.302	10.043.627.399
Chi phí sửa chữa	2.246.493.682	4.056.935.604
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.804.660.861	4.464.882.621
Cộng	82.210.236.600	85.342.461.363

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	299.426.536.490	450.430.327.905	50.584.257.960	10.128.031.346	810.569.153.701
Mua trong năm	-	610.580.000	1.600.000.000		2.210.580.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.854.636.720	2.497.648.668	276.502.668		4.628.788.056
Tặng khác	-				-
Mua lại tài sản thuê tài chính	-				-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.582.862.567)	(238.656.000)	(248.777.515)	(2.070.296.082)
Giảm khác	(439.612.797)	-			(439.612.797)
Số cuối kỳ	300.841.560.413	451.955.694.006	52.222.104.628	9.879.253.831	814.898.612.878
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	169.762.954.462	247.697.781.465	41.618.626.439	8.389.976.333	467.469.338.699
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	238.468.903.944	344.273.592.948	45.100.866.111	9.520.521.011	637.363.884.014
Khấu hao trong năm	2.750.968.464	8.839.460.899	365.098.534	120.491.681	12.076.019.578
Mua lại tài sản thuê tài chính					
Thanh lý, nhượng bán		(1.582.862.567)	(238.656.000)	(248.777.515)	(2.070.296.082)
Giảm khác	(22.652.658)				(22.652.658)
Số cuối kỳ	241.197.219.750	351.530.191.280	45.227.308.645	9.392.235.177	647.346.954.852
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.957.632.546	106.156.734.957	5.483.391.849	607.510.335	173.205.269.687
Số cuối kỳ	59.644.340.663	100.425.502.726	6.994.795.983	487.018.654	167.551.658.026
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng		574.035.000			574.035.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	134.912.926.333	9.477.686.546	144.390.612.879
Thuê tài chính trong năm	17.888.685.914		17.888.685.914
Số cuối kỳ	152.801.612.247	9.477.686.546	162.279.298.793
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	50.556.270.900	1.593.576.325	52.149.847.225
Khấu hao trong năm	5.580.767.005	394.926.661	6.245.693.666
Số cuối kỳ	56.407.037.905	1.988.502.986	58.395.540.891
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	84.356.655.433	7.884.110.221	92.240.765.654
Số cuối kỳ	96.394.574.342	7.489.183.560	103.883.757.902

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	215.296.802.325	361.998.100	215.658.800.425
Tăng do nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			
Số cuối kỳ	215.296.802.325	361.998.100	215.658.800.425
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		361.998.100	361.998.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.599.608.683	361.998.100	1.961.606.783
Khấu hao trong năm	257.477.880		257.477.880
Số cuối kỳ	1.857.086.563	361.998.100	2.219.084.663
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	213.697.193.642	-	213.697.193.642
Số cuối kỳ	213.439.715.762	-	213.439.715.762
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.718.346.218 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang và Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn dùng Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang có giá trị còn lại theo sổ sách là 38.018.688.862 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Bắc An Giang của Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	110.011.543.052	3.769.908.783	(3.128.788.056)	(1.358.542.211)	109.294.121.568
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	88.428.481.477	-	-	-	88.428.481.477
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	18.870.653.034	1.737.403.859	(2.131.139.388)	(1.192.347.606)	17.284.569.899
Nhà máy chế biến thức ăn	2.554.566.509	931.747.871	(997.648.668)	-	2.488.665.712
Các hạng mục khác	157.842.032	1.100.757.053	-	(166.194.605)	1.092.404.480
Sửa chữa lớn tài sản cố định	442.324.848	1.005.162.158	-	-	1.447.487.006
Cộng	110.453.867.900	4.775.070.941	(3.128.788.056)	(1.358.542.211)	110.741.608.574

13. Các khoản đầu tư tài chính**13a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱ⁾	612.900.000.000	(66.292.897.256)	546.607.102.744	612.900.000.000	(66.292.897.256)	546.607.102.744
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh ⁽ⁱⁱ⁾	12.000.000.000	(1.583.520.862)	10.416.479.138	12.000.000.000	(1.583.520.862)	10.416.479.138
Cộng	624.900.000.000	(67.876.418.118)	557.023.581.882	624.900.000.000	(67.876.418.118)	557.023.581.882

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Tập đoàn vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40.5% vốn điều lệ. Tại ngày cuối kỳ, Tập đoàn đã đầu tư 607.500.000.000 VND, tương đương 40.5% vốn điều lệ. Tập đoàn đã thế chấp toàn bộ chứng chỉ góp vốn này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp. Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44.44% vốn điều lệ. Tại ngày cuối kỳ, Tập đoàn đã đầu tư 12.000.000.000 VND, tương đương 44.44% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem và Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Quý I/2016	Quý I/2015
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh		
Bán nguyên liệu, vật tư	11.806.829	-
Vay	-	-
Cho vay	7.050.000.000	-
Bán thành phẩm, bao bì	567.971.096	-

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang.

13b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không ⁽ⁱ⁾	43.200.000.000	-	43.200.000.000	-
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	5.821.000.000	-
Công ty cổ phần cromit Cổ Định				
Thanh Hóa	20.304.000.000	(6.468.819.930)	20.304.000.000	(6.468.819.930)
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Cộng	209.504.000.000	(17.468.819.930)	215.325.000.000	(17.468.819.930)

(i) Tập đoàn dùng 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không thuộc sở hữu của Tập đoàn để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

(ii) Trong kỳ, Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt đã hoàn trả toàn bộ vốn góp còn lại cho các thành viên.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	17.468.819.930
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Số cuối kỳ	17.468.819.930

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Quý I/2016	Quý I/2015
Số đầu năm	630.000.000	225.000.000
Phát sinh trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	630.000.000	225.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	14.117.822.095	11.223.842.444
Công ty TNHH Đại Tây Dương	11.972.422.240	11.223.842.444
Hộ kinh doanh Cá sấu Long Xuyên	545.399.855	
Ông Doãn Chí Thiên - mua xe	1.600.000.000	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		197.163.779.197
Các nhà cung cấp nước ngoài	26.259.462.489	69.886.029.598
Các nhà cung cấp trong nước	116.381.292.127	127.277.749.599
Cộng	156.758.576.711	208.387.621.641

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng nước ngoài	18.683.109.210	6.785.648.979
Các khách hàng trong nước	8.010.833.541	1.937.706.876
Cộng	26.693.942.751	8.723.355.855

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	776.719.357	1.731.094.573	(1.804.735.816)	703.078.114
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-		
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.170.425.656	(2.170.425.656)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾	3.997.464.816	1.817.254.904	(4.019.457.387)	1.795.262.333
Thuế thu nhập cá nhân	811.736.026	352.402.186	(332.634.744)	831.503.468
Thuế tài nguyên	11.296.200	27.208.300	(28.336.600)	10.167.900
Các loại thuế khác	-	19.725.000	(19.725.000)	
Cộng	5.597.216.399	6.118.110.619	(8.375.315.203)	3.340.011.815

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Tại Công ty cổ phần Nam Việt	1.430.706.631
- Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	386.548.273
Cộng	1.817.254.904

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay		1.376.159.183
Chi phí cước tàu và nhập hàng	8.937.196.863	3.004.511.597
Chi phí hoa hồng môi giới	65.189.000	1.526.328.850

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền com	1.696.949.548	603.777.113
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	470.253.524	1.355.298.660
Cộng	11.169.588.935	7.866.075.403

20. Phải trả ngắn hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	56.710.226.198	56.703.146.496
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	41.152.674.950	41.152.674.950
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	15.224.376.600	15.224.376.600
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác	333.174.648	326.094.946
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	9.032.939.939	4.733.220.808
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.674.593	900.141.786
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	110.557.242	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.425.072.512	1.125.214.572
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.453.901.400	1.453.901.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.015.734.192	1.253.963.050
Cộng	65.743.166.137	61.436.367.304

20b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	128.185.022.384	128.185.022.384	135.343.381.384	135.343.381.384
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương ^(a)	6.385.022.384	6.385.022.384	10.635.022.384	10.635.022.384
Vay Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh			2.490.000.000	2.490.000.000
Vay Ông Doãn Tới			418.359.000	418.359.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(b)	121.800.000.000	121.800.000.000	121.800.000.000	121.800.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.179.577.303.118	1.179.577.303.118	1.167.728.787.876	1.167.728.787.876
Vay ngắn hạn ngân hàng			1.094.054.635.823	1.094.054.635.823
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(c)	410.523.648.786	410.523.648.786	416.917.550.864	416.917.550.864
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(d)	24.326.528.756	24.326.528.756	29.971.099.635	29.971.099.635

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang^(e)</i>	89.487.170.900	89.487.170.900	37.964.240.000	37.964.240.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang^(f)</i>	169.223.041.975	169.223.041.975	166.664.816.222	166.664.816.222
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang^(g)</i>	298.749.862.740	298.749.862.740	286.127.626.288	286.127.626.288
<i>Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank - TP. Hồ Chí Minh^(h)</i>	22.185.763.872	22.185.763.872	42.789.445.692	42.789.445.692
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱ⁾</i>	106.243.565.686	106.243.565.686	113.619.857.122	113.619.857.122
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	31.875.000.000	31.875.000.000	40.875.000.000	40.875.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	26.962.720.403	26.962.720.403	32.799.152.053	32.799.152.053
Cộng	1.307.762.325.502	1.307.762.325.502	1.303.072.169.260	1.303.072.169.260

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.9) và máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11), tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.5a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (h) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank - TP. Hồ Chí Minh không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ.
- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không thuộc sở hữu của Công ty, các chứng khoán thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 158.027 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 185.027 cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE và các chứng khoán thuộc sở hữu của cá nhân có liên quan bao gồm 1.871.991 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.094.054.635.823	1.287.512.403.776	-	-	(1.260.827.456.884)	1.120.739.582.715
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	13.125.022.384	1.450.000.000	-	-	(8.190.000.000)	6.385.022.384
Vay ngắn hạn các cá nhân	122.218.359.000	700.000.000	-	-	(1.118.359.000)	121.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.875.000.000	-	-	-	(9.000.000.000)	31.875.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.799.152.053	7.769.859.840	-	-	(13.606.291.490)	26.962.720.403
Cộng	1.303.072.169.260	1.297.432.263.616	-	-	(1.292.742.107.374)	1.307.762.325.502

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	165.025.137.844	165.025.137.844	169.041.578.844	169.041.578.844
Vay Ông Đoàn Tới ^(a)	98.125.137.844	98.125.137.844	102.141.578.844	102.141.578.844
Công ty TNHH Đại Tây Dương	66.900.000.000	66.900.000.000	66.900.000.000	66.900.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	181.712.732.827	181.712.732.827	169.844.035.553	169.844.035.553
Vay dài hạn ngân hàng	148.125.000.000	148.125.000.000	148.125.000.000	148.125.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang ^(b)	114.000.000.000	114.000.000.000	114.000.000.000	114.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(c)	34.125.000.000	34.125.000.000	34.125.000.000	34.125.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuê tài chính	33.587.732.827	33.587.732.827	21.719.035.553	21.719.035.553
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị</i>	9.715.311.777	9.715.311.777	9.715.311.777	9.715.311.777
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	2.879.810.963	2.879.810.963	2.879.810.963	2.879.810.963
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	20.992.610.087	20.992.610.087	9.123.912.813	9.123.912.813
Cộng	346.737.870.671	346.737.870.671	338.885.614.397	338.885.614.397

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8.5%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu với lãi suất 9%/năm trong 3 năm đầu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	180.000.000.000	31.875.000.000	148.125.000.000	
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	165.025.137.844	0	165.025.137.844	-
Nợ thuê tài chính	60.550.453.230	26.962.720.403	33.587.732.827	-
Cộng	405.575.591.074	58.837.720.403	346.737.870.671	0
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	189.000.000.000	40.875.000.000	148.125.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	169.041.578.844	-	169.041.578.844	-
Nợ thuê tài chính	42.626.218.472	32.799.152.053	21.719.035.553	-
Cộng	400.667.797.316	73.674.152.053	338.885.614.397	0

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	148.125.000.000	-	-	-	-	148.125.000.000
Vay dài hạn	169.041.578.844	-	-	-	(4.016.441.000)	165.025.137.844

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
các tổ chức và cá nhân						
Nợ thuê tài chính	21.719.035.553	11.868.697.274	-	-	-	33.587.732.827
Cộng	338.885.614.397	11.868.697.274	-	-	(4.016.441.000)	346.737.870.671

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	Quý I/2016	Quý I/2015
Số đầu kỳ	1.213.251.697	1.269.360.441
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	200.000.000	
Tăng khác		88.826.997
Chi quỹ	(396.672.392)	(15.235.741)
Số cuối kỳ	1.016.579.305	1.342.951.697

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 38.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	176.552.500.000	176.552.500.000
Cộng	656.052.500.000	656.052.500.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
Số đầu năm	477.904.966	410.911.287
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	(1.322.513)	24.417.489
Số cuối kỳ	<u>476.582.453</u>	<u>435.328.776</u>

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**25a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	310.548,66	368.316,23
Euro (EUR)	2.593,32	2.727,57

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	8.420.467,83	160.811.895.425	8.420.467,83	160.811.895.425
Khách hàng trong nước	-	20.702.108.450	-	20.702.108.450
Cộng		<u>181.514.003.875</u>		<u>181.514.003.875</u>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	565.345.552.795	543.806.825.787
Doanh thu bán thức ăn	17.656.956.000	574.576.290
Doanh thu khác	1.425.681.787	2.694.870.944
Cộng	<u>584.428.190.582</u>	<u>547.076.273.021</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	5.135.988.387	1.549.204.633
Giảm giá hàng bán	2.960.679.125	752.171.593
Cộng	<u>8.096.667.512</u>	<u>2.301.376.226</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	490.958.358.659	473.823.413.433
Giá vốn của thức ăn đã bán	14.812.898.180	577.036.321
Giá vốn khác	1.600.657.106	3.615.015.132
Cộng	507.371.913.945	478.015.464.886

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	397.309.295	163.675.090
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.324.449	25.868.066
Lãi tiền cho vay	183.565.201	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.437.147.313	2.302.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.702.920.185	5.568.533.814
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.076.518.486	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	301.559.968
Cộng	7.806.784.929	8.361.636.938

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.441.539.785	15.358.675.335
Lãi mua hàng trả chậm	-	62.462.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.140.720.025	4.829.453.480
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(231.386.449)
Cộng	21.582.259.810	20.019.205.092

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.627.320.399	1.211.834.883
Chi phí vật liệu, bao bì	10.248.143	336.787.498
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.304.947	26.679.987
Chi phí hoa hồng	3.353.536.089	-
Chi phí vận chuyển	16.116.905.042	19.908.001.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.592.713.927	3.096.938.582
Các chi phí khác	845.087.704	1.332.790.235
Cộng	25.607.116.251	25.913.033.018

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.996.322.913	7.935.079.323
Chi phí vật liệu quản lý	330.389.718	710.168.460
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.355.281	163.776.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.593.609	213.182.120
Thuế, phí và lệ phí	1.740.273.762	2.007.224.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.780.795	723.238.753
Chi phí bằng tiền khác	2.520.686.782	2.524.847.717
Cộng	13.477.402.860	14.277.517.187

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	235.000.000	75.527.549
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	454.926.559	-
Xử lý công nợ tồn lâu	24.281.732	530.941.786
Thu nhập khác	401.772.317	392.097.907
Cộng	1.115.980.608	998.567.242

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, truy thu	9.358.972.053	392.825.627
Chi phí khác	546.649.010	97.520.956
Cộng	9.905.621.063	490.346.583

10. Lãi trên cổ phiếu

	Quý I/2016	Quý I/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.494.042.287	14.294.770.886
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	200.000.000	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.294.042.287	14.294.770.886
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	65.605.250	65.605.250
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	81	218

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Doãn Tới		
<i>Tập đoàn đi vay</i>	700.000.000	2.086.700.000
Ông Doãn Chí Thanh		
<i>Tạm ứng</i>	156.562.410	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
<i>Tạm ứng</i>	-	20.000.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thiên		
<i>Tạm ứng</i>	20.000.000	42.900.000
<i>Tập đoàn mua tài sản</i>	1.600.000.000	-

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng 137.415 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 161.163 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Ông Doãn Chí Thiên dùng 1.627.819 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Ông Doãn Chí Thanh dùng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh V.2, V.5, V.20 và V.21.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Tiền điện, dịch vụ khác tập đoàn phải trả	3.202.623.318	
Tập đoàn đi vay	1.450.000.000	30.660.399

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh V.2, V.5, V.15, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	448.600.182.322	490.091.036.504
Trong nước	127.731.340.748	54.683.860.291
Cộng	576.331.523.070	544.774.896.795

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Số liệu so sánh

Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1. từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị ở nước ngoài nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là tương đối cao.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các cá nhân liên quan vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.405.694.166	-	-	-	23.405.694.166
Phải thu khách hàng	215.724.185.131	-	-	48.705.468.298	264.429.653.429
Các khoản cho vay	7.112.002.444	-	-	1.450.000.000	8.562.002.444
Các khoản phải thu khác	63.672.188.664	-	-	476.479.546	64.148.668.210
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	178.200.000.000	-	-	31.304.000.000	209.504.000.000
Cộng	488.114.070.405	-	-	81.935.947.844	570.050.018.249
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.707.313.325	-	-	-	12.707.313.325
Phải thu khách hàng	294.131.270.177	-	-	48.705.468.298	342.836.738.475
Các khoản cho vay	35.000.000	-	-	1.450.000.000	1.485.000.000
Các khoản phải thu khác	68.549.655.473	-	-	476.479.546	69.026.135.019
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	184.021.000.000	-	-	31.304.000.000	215.325.000.000
Cộng	559.444.238.975	-	-	81.935.947.844	641.380.186.819

4b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	1.307.762.325.502	346.737.870.671	-	1.654.500.196.173
Phải trả người bán	156.758.576.711	-	-	156.758.576.711

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản phải trả khác	75.774.523.237	-	-	75.774.523.237
Cộng	1.540.295.425.450	346.737.870.671	-	1.887.033.296.121
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.303.072.169.260	338.885.614.397	-	1.641.957.783.657
Phải trả người bán	208.387.621.641	-	-	208.387.621.641
Các khoản phải trả khác	68.402.300.921	-	-	68.402.300.921
Cộng	1.579.862.091.822	338.885.614.397	-	1.918.747.706.219

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 03 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.548.66	2.593.32	-	368.316,23	2.727,57	-
Phải thu khách hàng	11.923.226.18		424.944.48	14.801.955,17	-	-
Các khoản phải thu khác	275.999.60		-	325.999,60	-	-
Vay và nợ	(20.693.170.23)		-	(12.076.383,61)	-	-
Phải trả người bán	(880.672.36)		-	(3.100.533,70)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	-9.064.068.15	2.593.32	424.944.48	319.353,69	2.727,57	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a). Giá trị sổ sách của tài sản tài chính thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 31.700.000.000 VND (số đầu năm là 31.700.000.000 VND).

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.405.694.166	-	12.707.313.325	-
Phải thu khách hàng	264.429.653.429	(30.057.249.628)	342.836.738.475	(30.057.249.628)
Các khoản cho vay	8.562.002.444	(695.000.000)	1.485.000.000	(695.000.000)
Các khoản phải thu khác	64.148.668.210	(269.400.682)	69.026.135.019	(269.400.682)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	209.504.000.000	(17.468.819.930)	215.325.000.000	(17.468.819.930)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cộng	570.050.018.249	(48.490.470.240)	641.380.186.819	(48.490.470.240)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	156.758.576.711	208.387.621.641
Vay và nợ	1.654.500.196.173	1.641.957.783.657
Các khoản phải trả khác	75.774.523.237	68.402.300.921
Cộng	1.887.033.296.121	1.918.747.706.219

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

An Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2016

Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

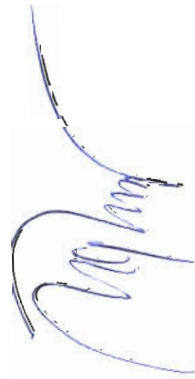
Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016


Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	108,270,425,992	410,911,287	1,353,229,166,531
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14,294,770,886	24,417,489	14,319,188,375
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	122,565,196,878	435,328,776	1,367,548,354,906
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	29,000,000,000	(27,417,629,848)	21,719,354,339	477,904,966	1,295,745,088,557
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5,494,042,287	(1,322,513)	5,492,719,774
Trích các quỹ	-	-	-	-	(200,000,000)	-	(200,000,000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	29,000,000,000	(27,417,629,848)	27,013,396,626	476,582,453	1,301,037,808,331

Đơn vị tính: VND



Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

Số : ...421...../CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
Hợp nhất quý I/2016 so cùng kỳ"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý I/2016: 5,492,719,774 đồng

- Lợi nhuận sau thuế quý I/2015: 14,319,188,375 đồng

Giảm 8,826,468,601 đồng tương đương giảm 61.64%.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Quý I/2016, doanh thu thuần đạt 576,331,523,070 đồng, tăng 31,556,626,275 đồng tương đương 5.79% so với quý I/2015. Nhưng giá vốn hàng bán và chi phí khác trong quý I/2016 đều tăng cao hơn mức tăng của doanh thu thuần, cụ thể:

+ Giá vốn hàng bán tăng 29,356,449,059 đồng tương đương 6.14% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí khác tăng 9,415,274,480 đồng tương đương 1,920.13% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

-Như trên

-Ban TGD

- Lưu VT

TC, **TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhứt